

Hướng dẫn soạn Progress review 1 Tiếng Anh 6 Friends Plus, giải bài tập Progress review 1 sách Tiếng Anh 6 Friends Plus.

Giải bài tập Tiếng Anh 6 Progress review 1

Thực hiện các yêu cầu của SGK khi [giải bài tập Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo](#) trang 34-37 về kiến thức đã học trong Unit 1 và Unit 2.

Unit 1: Towns and cities

VOCABULARY: Places in a town or city (Từ vựng: Địa điểm trong thị trấn hoặc thành phố)

Exercise 1

Complete the words in the text. (*Hoàn thành các từ trong văn bản.*)

Our town is very good for food! There's a nice Turkish (1) r ----- – and an Italian (2) c--- too. If you like sport, there's a (3) s----- c----- and there's a nice (4) p--- - it's a good place for football.

There's a three-star (5) h---- - for visitors to the town. And there's a small (6) c----- with new films every week, but there isn't a (7) t-----.

There's a very good (8) s----- in our town - I'm a student there and I'm very happy!

I can talk about places in a town or city.

(Tôi có thể nói về các địa điểm trong một thị trấn hoặc thành phố.)

Giải bài 1 trang 34 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. restaurant
2. café
3. sports centre
4. park
5. hotel
6. cinema
7. theatre
8. school

Our town is very good for food! There's a nice Turkish (1) restaurant – and an Italian (2) café too. If you like sport, there's a (3) sports centre and there's a nice (4) park - it's a good place for football.

There's a three-star (5) hotel - for visitors to the town. And there's a small (6) cinema with new films every week, but there isn't a (7) theatre.

There's a very good (8) school in our town - I'm a student there and I'm very happy!

Dịch

Thị trấn của chúng tôi là rất tốt cho thực phẩm! Có một nhà hàng Thổ Nhĩ Kỳ đẹp - và một quán cà phê Ý nữa. Nếu bạn thích thể thao, có trung tâm thể thao và có công viên đẹp - đó là một nơi tuyệt vời để chơi bóng đá.

Có một khách sạn ba sao - dành cho du khách đến thăm thị trấn. Và có rạp chiếu phim nhỏ với các bộ phim mới mỗi tuần, nhưng không có nhà hát.

Có một trường học rất tốt trong thị trấn của chúng tôi - Tôi là học sinh ở đó và tôi rất vui!

READING: A description of a cruise ship (ĐỌC: Bài mô tả tàu hải trình)

Exercise 2

Choose the correct answers. (*Chọn câu trả lời đúng.*)

1. The new ship has got a.....with a lot of books.

- a. cabin
- b. library
- c. swimming pool

2. The... on the ship prepare very good food.

- a. chefs
- b. passengers
- c. tourists

3. The sports centre has got a big climbing wall. It's very- I like it!

- a. comfortable
- b. horrible

c. exciting

4. The passengers all have got rooms called... .

a. cabins

b. shops

c. swimming pools

5. The people on the ship like the food. It's.....!

a. horrible

b. comfortable

c. fantastic

6. 'Is there a sports centre?' - 'No, but there are five nice.....'.

a. swimming pools

b. cabins

c. passengers

Giải bài 2 trang 34 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. b

=> The new ship has got a library with a lot of books.

2. a

=> The chefs on the ship prepare very good food.

3. c

=> The sports centre has got a big climbing wall. It's very exciting - I like it!

4. a

=> The passengers all have got rooms called cabins.

5. c

=> The people on the ship like the food. It's fantastic!

6. a

=> 'Is there a sports centre?' - 'No, but there are five nice swimming pools'.

LANGUAGE FOCUS Is there ... ?, Are there ... ?, How many ... ? (NGỮ PHÁP: Is there ... ?, Are there ... ?, How many ... ?)

Exercise 3

Write questions and short answers. (*Viết các câu hỏi và câu trả lời ngắn.*)

1. a big cinema in your area? / no

----- .

2. any interesting monuments in this town? / yes

----- .

3. a quiet park near the station? / yes

----- .

4. any small shops in that street? / no

----- .

5. how many cafés near here? / three

----- .

6. how many students in Anna's class? / thirty

----- .

Giải bài 3 trang 34 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. Is there a big cinema in your area?

- No, there isn't.

2. Are there any interesting monuments in this town?

- Yes, there are.

3. Is there a quiet park near the station?

- Yes, there is.

4. Are there any small shops in that street?

- No, there aren't.

5. How many cafés are there near here?

- There are three.

6. How many students are there in Anna's class?

There are thirty.

VOCABULARY AND LISTENING Comparing places (TỪ VỰNG VÀ NGHE: So sánh các địa điểm)

Exercise 4

Lucy is a new student at a school. Listen to Lucy talking to her teacher. Match the places in A with the adjectives in B. (Lucy là một học sinh mới ở trường. Nghe Lucy nói chuyện với giáo viên. Nối các địa điểm ở cột A với tính từ ở cột B.)

A	B
1. school	a. quiet
2. library	b. pretty
3. shops	c. dangerous
4. square	d. clean
5. climbing wall	e. noisy
6. swimming pool	f. modern

Giải bài 4 trang 34 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1 – e: school – noisy (trường học - ồn ào)

2 – a: library – quiet (thư viện – yên tĩnh)

3 – f: shops – modern (cửa hàng – hiện đại)

4 – b: square – pretty (quảng trường – đẹp)

5 – c: climbing wall – dangerous (bức tường để leo – nguy hiểm)

6 – d: swimming pool (hồ bơi – sạch sẽ)

Audio

Teacher: Hello, Lucy. How are you? Is the new school okay for you?

Lucy: Yes, it's great. But it's different to my school at home. There're more students here and it's noisier.

Teacher: Yes, it is quite noisy, sometimes.

Lucy: The library at school is good and that's my favorite place. It's really quiet.

Teacher: Yes, it's a nice part of the school and what about the town?

Lucy: Well, the town is smaller than my home town.

Teacher: Uhm huh.

Lucy: I love the shops here, they're very modern. And I like the town square. Well it's prettier than the big square at home that's really dirty.

Teacher: Wow, right.

Lucy: My hometown is better for sport. The sport center is older here and I think climbing wall isn't very safe. It's quite dangerous.

Teacher: Oh, dear.

Lucy: But the swimming pool here is good. It's very clean cleaner than the pool back home.

Teacher: Great! Well it's good to talk to you again, Lucy.

Lucy: Yes, thank you. Bye.

Dich

Cô giáo: Chào Lucy. Em khỏe không? Trường mới có ổn với em không?

Lucy: Vâng, rất tuyệt ạ. Nhưng nó khác với trường học của em ở nhà. Ở đây có nhiều học sinh hơn và nó ồn ào hơn.

Cô giáo: Vâng, đôi khi nó khá ồn ào.

Lucy: Thư viện ở trường rất tốt và đó là nơi yêu thích của em. Nó thực sự yên tĩnh.

Cô giáo: Ừm, đó là một nơi xinh của trường học còn thị trấn thì sao?

Lucy: À, thị trấn nhỏ hơn thị trấn quê em.

Cô giáo: À há.

Lucy: Em thích những cửa hàng ở đây, chúng rất hiện đại. Và em thích quảng trường thành phố. Chà, nó đẹp hơn cái quảng trường lớn bản ở quê nhà em.

Cô giáo: Wow, thật à.

Lucy: Quê em tiện lợi để chơi thể thao hơn. Trung tâm thể thao ở đây cũ hơn và em nghĩ bức tường để leo không an toàn cho lắm. Nó khá nguy hiểm.

Cô giáo: Ôi chao.

Lucy: Nhưng bể bơi ở đây tốt. Nó rất sạch sẽ hơn hồ bơi ở nhà em.

Cô giáo: Tuyệt vời! Thật tốt khi được nói chuyện với em lần nữa, Lucy à.

Lucy: Vâng, em cảm ơn cô ạ. Tạm biệt cô.

LANGUAGE FOCUS Comparative adjectives (NGỮ PHÁP: So sánh hơn của tính từ)

Exercise 5

Choose the correct words and write them on the lines. (*Chọn từ đúng và viết vào chỗ trống.*)

My school is smaller (1)..... the school in the next town but I think my school is (2).....! The students at my school are (3)..... and the buildings are (4)..... modern. There's a fantastic swimming pool too - it's (5)..... than the pool at the sports centre in town and it's (6)..... too!

1. a. to

b. than

c. of

2. a. better

b. well

c. like

3. a. not friendly

b. friendlier

c. unfriendly

4. a. many

b. a lot

c. more

5. a. bigger

b. big

c. more big

6. a. cleaning

b. more clean

c. cleaner

Giải bài 5 trang 35 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. b

2. a

3. b

4. c

5. a

6. c

My school is smaller (1) than the school in the next town but I think my school is (2) better! The students at my school are (3) friendlier and the buildings are (4) more modern. There's a fantastic swimming pool too - it's (5) bigger than the pool at the sports centre in town and it's (6) cleaner too!

Dịch

Trường tôi nhỏ hơn trường ở thị trấn bên cạnh nhưng tôi nghĩ trường của tôi tốt hơn! Học sinh ở trường tôi thân thiện hơn và các tòa nhà hiện đại hơn. Có một hồ bơi tuyệt vời nữa - nó lớn hơn hồ bơi ở trung tâm thể thao trong thị trấn và nó cũng sạch hơn!

SPEAKING Asking and saying where places are (NÓI: Hỏi và nói các địa điểm ở đâu)

Exercise 6

Put the dialogue in the correct order. Number the sentences. (*Đặt bài hội thoại theo thứ tự đúng. Đánh số các câu.*)

- a. Man: That's great. Thanks for your help.
- b. Tom: It's about ten minutes on foot and about two minutes by bus.
- c. Man: Excuse me. Are we near the library here?
- d. Tom: You're welcome.
- e. Man: How far is it from here?
- f. Tom: Have you got a map? Yes, look, we're here and the library is in East Street.

Giải bài 6 trang 35 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1.c – 2.f – 3.e – 4.b – 5.a – 6.d

- c. Man: Excuse me. Are we near the library here?
- f. Tom: Have you got a map? Yes, look, we're here and the library is in East Street.
- e. Man: How far is it from here?
- b. Tom: It's about ten minutes on foot and about two minutes by bus.
- a. Man: That's great. Thanks for your help.
- d. Tom: You're welcome.

WRITING A description of a town or city (VIỆT: Bài mô tả một thị trấn hoặc thành phố.)

Exercise 7

Order the words to make sentences. (*Sắp xếp các từ để tạo thành câu đúng.*)

1. is / Norwich / interesting /city/ a / very

.....

2. east/ of /it's / the / England /in

.....

3. population / got / of /a/200,000 / it's / about

.....

4. favourite / castle / place / my/ the / is

.....
5. fantastic / are/there / shops / some

.....
6. market/good/a /too / there's

.....
7. only / it's / thirty-five / from / kilometres / sea / the

.....
8. exciting / it's /place/ an

.....
Giải bài 7 trang 35 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. Norwich is a very interesting city.
2. It's in the east of England.
3. It's got a population of about 200,000.
4. My favourite place is the castle.
5. There are some fantastic shops.
6. There's a good market too.
7. It's only thirty-five kilometres from the sea.
8. It's an exciting place.

Unit 2: Days

VOCABULARY Daily routines (TỪ VỰNG: Các hoạt động hàng ngày)

Exercise 8

Complete the sentences with the words. (Hoàn thành câu với các từ được cho trong khung.)

brush	chat	get	go	have	help	relax	st
udy	wash	watch					

1. I..... up at 6.15 every morning.
2. Ibreakfast at 7.00.
3. After breakfast, I always.....my teeth and..... my face.
4. My sister and I..... to school by bus.
5. After school I.....with my friends - we sometimes talk for hours!
6. I always..... my parents with the housework.
7. In my bedroom, I.....at my desk with all my school books.
8. Before bed, I usually.....on the sofa and I sometimes.....TV.

Giải bài 8 trang 36 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. get

=> I get up at 6.15 every morning.

2. have

=> I have breakfast at 7.00.

3. brush; wash

=> After breakfast, I always brush my teeth and wash my face.

4. go

=> My sister and I go to school by bus.

5. chat

=> After school I chat with my friends - we sometimes talk for hours!

6. help

=> I always help my parents with the housework.

7. study

=> In my bedroom, I study at my desk with all my school books.

8. relax; watch

=> Before bed, I usually relax on the sofa and I sometimes watch TV.

READING My family (ĐỌC: Gia đình của tôi)

Exercise 9

Complete the words in the text. (*Hoàn thành các từ trong văn bản.*)

My name is David and I'm from a big family – I've got three sisters and five (1) b-----!
But my parents are from small families – my (2) m----- has only got one younger sister
called Mary – she's my favourite (3) a---! And my (4) f----- has got an older sister - Jane.

My grandparents are American, but they live in London. My (5) g----- is from Boston
- she's really nice. And my (6) g----- is from New York - he's a lot of fun.

Giải bài 9 trang 36 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. brothers
2. mother
3. aunt
4. father
5. grandmother
6. grandfather

My name is David and I'm from a big family – I've got three sisters and five (1) brothers!
But my parents are from small families – my (2) mother has only got one younger sister
called Mary – she's my favourite (3) aunt! And my (4) father has got an older sister -
Jane.

My grandparents are American, but they live in London. My (5) grandmother is from
Boston - she's really nice. And my (6) grandfather is from New York - he's a lot of fun.

Dịch

Tên tôi là David và tôi đến từ một gia đình nhiều thành viên - tôi có ba chị em gái và năm anh em trai! Nhưng bố mẹ tôi xuất thân từ những gia đình nhỏ - mẹ tôi chỉ có một em gái tên là Mary - dì ấy là dì yêu quý của tôi! Và bố tôi có một chị gái - Jane.

Ông bà tôi là người Mỹ, nhưng họ sống ở London. Bà tôi đến từ Boston - bà thực sự tốt. Và ông tôi đến từ New York - ông rất vui tính.

LANGUAGE FOCUS Present simple: affirmative and negative (NGỮ PHÁP: Thì hiện tại đơn: khẳng định và phủ định)

Exercise 10

Make the negative sentences affirmative and the affirmative sentences negative.
(Viết câu phủ định cho câu khẳng định và viết câu khẳng định cho câu khẳng định.)

1. I don't like cooking. ✓

.....

2. We don't play football every afternoon. ✓

.....

3. She doesn't wash the car. ✓

.....

4. They help with the housework. X

.....

5. My brother studies in the evenings. X

.....

6. You play video games. X

.....

Giải bài 10 trang 36 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. I like cooking.

2. We play football every afternoon.

3. She washes the car.

4. They don't help with the housework.

5. My brother doesn't study in the evenings.

6. You don't play video games.

VOCABULARY AND LISTENING Special days (TỪ VỰNG VÀ NGHE: Những ngày đặc biệt)

Exercise 11

Listen and draw lines from names 1-6 to people a-f in the picture. (Nghe và vẽ đường nối các tên 1-6 với người a-f trong tranh.)

1. Dad
2. Emma
3. Grace
4. Holly
5. Mum
6. Richard

Giải bài 11 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1 – e

2 – c

3 – d

4 – b

5 – f

6 – a

Audio

Man: What celebrations are there in your town, Grace?

Grace: Well, that's a big carnival every July. It's really great and lots of people go in it. My brother Richard is always in the big parade. He plays music. He's very good.

Man: And what do you do, Grace?

Grace: I don't sing the parade. I'm usually near my two sisters.

Man: What do they do?

Grace: Well, my elder sister Anna sings. She's a fantastic singer. And my youngest sister Holly gives small presents to all the children in the streets.

Man: Presents?

Grace: Yes, just small things like sweets.

Man: And what about your parents? Do they go in the parade?

Grace: Yes, my dad goes in it. He's got a lion costume and he usually wears that. My mum often makes costumes for the parade, but she doesn't go in it. She watches the parade in the street.

Man: And do you like the carnival?

Grace: Yeah, it's my favorite day of the year. It's very noisy but it's fun.

Dich

Người đàn ông: Có những lễ kỷ niệm nào trong thị trấn của bạn, Grace?

Grace: À, có một lễ hội lớn vào tháng 7 hàng năm. Nó thực sự tuyệt vời và rất nhiều người tham gia. Anh trai tôi, Richard luôn có mặt trong cuộc diễu hành lớn. Anh ấy chơi nhạc. Anh ấy rất giỏi.

Người đàn ông: Và bạn làm gì, Grace?

Grace: Tôi không hát trong cuộc diễu hành. Tôi thường ở gần hai chị gái của tôi.

Người đàn ông: Họ làm gì?

Grace: À, chị gái Anna của tôi hát. Chị ấy là một ca sĩ tuyệt vời. Và em gái Holly của tôi tặng những món quà nhỏ cho tất cả trẻ em trên đường phố.

Người đàn ông: Quà á?

Grace: Vâng, chỉ là những thứ nhỏ nhặt như bánh kẹo.

Người đàn ông: Còn bố mẹ bạn thì sao? Họ có tham gia cuộc diễu hành không?

Grace: Vâng, bố tôi có. Bố có một bộ trang phục sư tử và bố thường mặc bộ đấy. Mẹ tôi thường may trang phục cho cuộc diễu hành, nhưng mẹ không mặc nó. Mẹ xem cuộc diễu hành trên đường phố.

Người đàn ông: Và bạn có thích lễ hội hóa trang không?

Grace: Vâng, đó là ngày yêu thích của tôi trong năm. Nó rất ồn ào nhưng nó rất vui.

LANGUAGE FOCUS Present simple: questions (NGỮ PHÁP: Thì hiện tại đơn – dạng câu hỏi)

Exercise 12

Read the email and write the questions. (Đọc thư điện tử và viết các câu hỏi.)

Hi Maria,

I've got a lot of questions for you! (1).....(what time / you / get up/?) I usually get up at 6 a.m. – that's very early! And (2)..... (you /have/ a big breakfast /?) I only have bread and orange juice.

What about your sister, Anna? (3)..... (she/help/ at home / ?) My sister never helps with the housework! And (4)..... (Anna / study / a lot / ?) My sister is always in the library with her friends.

And what about your parents? (5)..... (when / they get home from work / ?) My parents get home at 5.30. (6)..... (your parents / watch TV / in the evening/?) My mum and dad love American films!

Those are all my questions for now!

See you soon,

Lily

Giải bài 12 trang 37 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. What time do you get up?
2. Do you have a big breakfast?
3. Does she help at home?
4. Does Anna study a lot?
5. When do they get home from work?
6. Do your parents watch TV in the evening?

Hi Maria,

I've got a lot of questions for you! What time do you get up? I usually get up at 6 a.m. – that's very early! And do you have a big breakfast? I only have bread and orange juice.

What about your sister, Anna? Does she help at home? My sister never helps with the housework! And does Anna study a lot? My sister is always in the library with her friends.

And what about your parents? When do they get home from work? My parents get home at 5.30. Do your parents watch TV in the evening? My mum and dad love American films!

Those are all my questions for now!

See you soon,

Lily

Dịch

Chào Maria,

Mình có rất nhiều câu hỏi cho bạn! Bạn dậy lúc mấy giờ? Mình thường dậy lúc 6 giờ sáng – có sớm quá không nhỉ! Và bạn có ăn sáng đầy đủ không? Mình chỉ ăn bánh mì và nước cam.

Còn chị gái của bạn, Anna thì sao? Chị ấy có giúp đỡ việc nhà không? Chị gái mình không bao giờ giúp việc nhà! Và Anna có học nhiều không? Chị gái mình luôn ở thư viện với bạn bè của chị ấy.

Còn bố mẹ bạn thì sao? Khi nào họ đi làm về? Bố mẹ mình về nhà lúc 5h30. Bố mẹ bạn có xem TV vào buổi tối không? Bố mẹ mình thích phim Mỹ!

Đó là tất cả những câu hỏi của mình lúc này!

Sớm gặp lại bạn nha,

Lily

SPEAKING Making plans and suggestions (NÓI: lên kế hoạch và đưa ra lời đề nghị)

Exercise 13

Complete the dialogue with the phrases. (*Hoàn thành bài hội thoại với các cụm từ.*)

I like the sound I'm not really interested

Let's go what about

What do you want What's on?

Ben: There's a family fun day in town on Sunday.

Jack: Oh yes. (1).....

Ben: Lots of different things. Look at this.

Jack: (2)..... to do?

Ben: Well, (3)..... in the cooking competition in the morning.

Jack: No? But (4)..... the sports quiz in the afternoon.

Ben: Right, and (5)..... the barbecue at 6 p.m.?

Jack: Yes, OK. (6)..... to the barbecue. Then we can go to the fireworks in the evening.

Ben: OK. Great.

Giải bài 13 trang 37 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. What's on?

2. What do you want

3. I'm not really interested

4. I like the sound

5. what about

6. Let's go

Ben: There's a family fun day in town on Sunday.

Jack: Oh yes. (1) What's on?

Ben: Lots of different things. Look at this.

Jack: (2) What do you want to do?

Ben: Well, (3) I'm not really interested in the cooking competition in the morning.

Jack: No? But (4) I like the sound the sports quiz in the afternoon.

Ben: Right, and (5) what about the barbecue at 6 p.m.?

Jack: Yes, OK. (6) Let's go to the barbecue. Then we can go to the fireworks in the evening.

Ben: OK. Great.

Dịch

Ben: Có một ngày vui vẻ của gia đình trong thị trấn vào Chủ nhật kia.

Jack: À ừm. Chuyện gì vui không?

Ben: Rất nhiều thứ khác nhau. Nhìn này.

Jack: Bạn muốn làm gì?

Ben: À, mình không thực sự hứng thú với cuộc thi nấu ăn vào buổi sáng.

Jack: Không á? Nhưng mình thích âm thanh của câu đổ thể thao vào buổi chiều.

Ben: Được thôi, và còn bữa tiệc nướng lúc 6 giờ tối thì sao?

Jack: Ừm, được đó. Chúng ta hãy đi đến bữa tiệc nướng. Vậy thì chúng ta có thể đi xem pháo hoa vào buổi tối.

Ben: Đồng ý. Tuyệt thật.

WRITING A special day (VIẾT: Một ngày đặc biệt)

Exercise 14

Complete the text with the words. There are five extra words. (*Hoàn thành văn bản với các từ. Có 5 từ bị thừa.*)

also breakfast but chat day expensive house
work like play streets

Every November in the USA, there's a big celebration called Thanksgiving Day. On this special (1)..... American people give thanks for what they have.

In many cities, there are big parades in the (2)..... and there's great food too. People make nice costumes for the parades. They also sing, dance and (3)..... music. It's noisy but it's (4)..... very exciting.

We don't usually go in the parade, but we always watch it. We also dance because we (5)..... the music and the songs.

Giải bài 14 trang 37 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

1. day

2. streets

3. play

4. also

5. like

Every November in the USA, there's a big celebration called Thanksgiving Day. On this special (1) day American people give thanks for what they have.

In many cities, there are big parades in the (2) streets and there's great food too. People make nice costumes for the parades. They also sing, dance and (3) play music. It's noisy but it's (4) also very exciting.

We don't usually go in the parade, but we always watch it. We also dance because we (5) like the music and the songs.

Dịch

Vào tháng 11 hàng năm ở Hoa Kỳ, có một lễ kỷ niệm lớn được gọi là Ngày Lễ Tạ ơn. Vào ngày đặc biệt này, người dân Mỹ cảm ơn những gì họ có.

Ở nhiều thành phố, có những cuộc diễu hành lớn trên đường phố và có cả những món ăn ngon. Mọi người may trang phục đẹp cho các cuộc diễu hành. Họ cũng ca hát, nhảy múa và chơi nhạc. Nó ồn ào nhưng cũng rất thú vị.

Chúng tôi không thường tham gia vào cuộc diễu hành, nhưng chúng tôi luôn theo dõi nó. Chúng tôi cũng nhảy múa vì chúng tôi thích âm nhạc và các bài hát.

Exercise 15

Choose the best title for the text. Tick(✓) one box. (Chọn tiêu đề phù hợp nhất cho văn bản. Đánh dấu vào 1 ô.)

A celebration at school in the USA

Birthday celebrations in the USA

A special day in the USA

Giải bài 15 trang 37 SGK Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo

A special day in the USA (Một ngày đặc biệt ở nước Mỹ)

-/-

Giải bài tập Tiếng Anh 6 Progress review 1 sách Chân trời sáng tạo do Đọc tài liệu tổng hợp, hi vọng sẽ giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6 thật thú vị và dễ dàng.